TÒA ÁN NHÂN DÂN **TP. BUÔN MA THUỘT** **TỈNH ĐẮK LẮK**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 128/2021/HNGĐ- ST
Ngày 28/9/2021
"V/v: Ly hôn"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BUÔN MA THUỘT- TỈNH ĐẮK LẮK

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Diễm Hương;

- Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hoàng Viết Thống;

2. Ông Đoàn Văn Thống;

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Lê Nguyệt Ánh- Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk;

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Ông Phạm Trường Xuân- Chức vụ: Kiểm sát viên;

Ngày 28 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án tranh chấp hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số: 258/2021/TLST- HNGĐ ngày 13 tháng 4 năm 2021 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 119/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 8 năm 2021, Quyết định hõa phiên tòa số 95/2021/QĐST-HNGĐ ngày 24 tháng 8 năm 2021, thông báo số 82/2021/TB- TA ngày 06 tháng 9 năm 2021 và thông báo số 22/2021/TB- TA ngày 13 tháng 9 năm 2021, giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Bà Đặng Thị Minh T - Sinh năm 1987 (Vắng mặt- Có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt);

Địa chỉ: Thôn A, xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk;

*** Bị đơn:** Ông Nguyễn Thi T - Sinh năm 1985 (Vắng mặt);

Địa chỉ: Thôn A, xã C, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện, tại bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án, bà Đặng Thị Minh T trình bày có nội dung:*

Bà Đặng Thị Minh T và ông Nguyễn Thi T tự nguyện kết hôn vào năm 2011, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Vợ chồng có 02 con chung là cháu Nguyễn Minh Q – sinh ngày 20/01/2012 và cháu Nguyễn Ngọc Uyên T – sinh ngày 09/5/2014.

Quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn từ năm 2012. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, tính tình không còn hợp nhau, hơn nữa do hoàn cảnh gia đình bên ngoại không được khá giả nên bên nhà chồng cũng khinh thường, ông T thường xuyên đi nhậu, về hành hung vợ con, cuộc sống không có hạnh phúc, mặc dù gia đình hai bên đã khuyên giải nhưng vẫn không có kết quả gì. Vợ chồng đã sống ly thân từ ngày 22/6/2019 đến nay. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã trầm trọng nên bà T yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Nguyễn Thi T.

Về con chung: Hiện nay cháu Nguyễn Ngọc Uyên T – sinh ngày 09/5/2014 đang sống cùng với bà T; cháu Nguyễn Minh Q – sinh ngày 20/01/2012 đang sống cùng với ông T; do đó bà T có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng cháu T đến tuổi trưởng thành và đồng ý giao cháu Q cho ông T trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành;

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà Đặng Thị Minh T không đặt ra yêu cầu Tòa án giải quyết;

Về tài sản chung: Bà Đặng Thị Minh T không đặt ra yêu cầu Tòa giải quyết;

Tòa án đã tiến hành tống đạt hợp lệ văn bản tố tụng cho ông T nhiều lần nhưng ông T vẫn không đến Tòa án giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án Tòa án đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về thẩm quyền, thủ tục. Hội đồng xét xử Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột đã thực hiện đầy đủ và đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định của pháp luật Tố tụng dân sự;

- Về nội dung vụ án, xét thấy bà Đặng Thị Minh T, ông Nguyễn Thi T tự nguyện chung sống, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, thành phố B. Vợ chồng có 02 con chung là cháu Nguyễn Minh Q – sinh ngày 20/01/2012 và cháu Nguyễn Ngọc Uyên T– sinh ngày 09/5/2014. Quá trình chung sống, phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân chủ yếu là vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không hợp nhau về tính cách, thường xuyên xảy ra cãi vã nhau, cuộc sống chung không có hạnh phúc nên đã sống ly thân từ năm 2019 đến nay. Nay bà Đặng Thị Minh T có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với ông Nguyễn Thi T là có cơ sở chấp nhận. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 220; Điều 238; Điều 266; Điều 271 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27

của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; chấp nhận đơn khởi kiện của bà Đặng Thị Minh T về việc ly hôn với ông Nguyễn Thi T. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Ngọc Uyên T– sinh ngày 09/5/2014 cho bà Đặng Thị Minh T; giao cháu Nguyễn Minh Q – sinh ngày 20/01/2012 cho ông Nguyễn Thi T trực tiếp nuôi dưỡng đến khi các cháu đủ tuổi trưởng thành. Về cấp dưỡng nuôi con chung và tài sản chung: Không đặt ra yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- *Về quan hệ pháp luật tranh chấp:* Nguyên đơn bà Đặng Thị Minh T có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông Nguyễn Thi T có nơi cư trú tại thôn A, xã C, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; đây là vụ án tranh chấp hôn nhân và gia đình về việc "Ly hôn" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- *Về thủ tục tố tụng:* Xét thấy nguyên đơn bà Đặng Thị Minh T có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt; bị đơn ông Nguyễn Thi T đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không lý do nên Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn là phù hợp với quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- *Về quan hệ hôn nhân:* Bà Đặng Thị Minh T và ông Nguyễn Thi T tự nguyện chung sống, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Quá trình duy trì hôn nhân, vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã, bất đồng. Nguyên nhân chủ yếu là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp nhau. Mâu thuẫn vợ chồng phát sinh ngày càng căng thẳng và đã sống ly thân từ tháng 6 năm 2019 đến nay;

Kết quả xác minh tại địa phương thể hiện mâu thuẫn vợ chồng bà T, ông T phát sinh đã lâu, tình trạng trầm trọng nên vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2019 đến nay. Như vậy, hôn nhân giữa bà T, ông T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận nguyện vọng ly hôn của bà Đặng Thị Minh T là phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình;

- Về con chung: Hiện nay cháu Nguyễn Ngọc Uyên T– sinh ngày 09/5/2014 đang sống cùng với bà T; cháu Nguyễn Minh Q– sinh ngày 20/01/2012 đang sống cùng với ông T. Khi ly hôn, bà T có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Ngọc Uyên T đến tuổi trưởng thành; cháu Nguyễn Minh Q hiện đang ở với ông T và có nguyện vọng được ở cùng ba; Do đó cần giao cháu Nguyễn Ngọc Uyên T– sinh ngày 09/5/2014 cho bà Đặng Thị Minh T;

giao cháu Nguyễn Minh Q – sinh ngày 20/01/2012 cho ông Nguyễn Thi T trực tiếp nuôi dưỡng đến khi các cháu đủ tuổi trưởng thành là phù hợp.

Vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung: Bà Đặng Thị Minh T không đặt ra yêu cầu Tòa án giải quyết;

- Về tài sản chung: Bà Đặng Thị Minh T không đặt ra yêu cầu Tòa án giải quyết;

- Về án phí: Bà Đặng Thị Minh T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật;

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147; Điều 220; Điều 227; Điều 238; Điều 266; Điều 271 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Điều 51; Điều 56; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

- Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đặng Thị Minh T về việc yêu cầu giải quyết ly hôn với ông Nguyễn Thi T;

- *Về quan hệ hôn nhân:* Bà Đặng Thị Minh T được ly hôn với ông Nguyễn Thi T;

- *Về con chung:* Giao cháu Nguyễn Ngọc Uyên T– sinh ngày 09/5/2014 cho bà Đặng Thị Minh T, giao cháu Nguyễn Minh Q– sinh ngày 20/01/2012 cho ông Nguyễn Thi T trực tiếp nuôi dưỡng đến khi các cháu đủ tuổi trưởng thành;

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà Đặng Thị Minh T không đặt ra yêu cầu Tòa án giải quyết;

- Về tài sản chung: Bà Đặng Thị Minh T không đặt ra yêu cầu Tòa giải quyết;

- Về án phí: Bà Đặng Thị Minh T phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí mà bà Đặng Thị Minh T đã nộp theo biên lai thu số AA/2019/0018778 ngày 26 tháng 3 năm 2021 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk;

Nguyên đơn bà Đặng Thị Minh T, bị đơn ông Nguyễn Thi T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thị hành án dân sự, người phải

thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND TP. BMT;
- UBND xã C (Số 56, quyển số 01/2011, ngày 22/4/2011);
- Thi hành án dân sự TP. B;
- Các đương sự;
- Lưu HS;
- Lưu VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đỗ Thị Diễm Hương